

Sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam

TS NGUYỄN VĂN THỦY

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng; Email: thuyk1hvct@gmail.com

Tóm tắt: Đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam đã góp phần làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về khả năng của các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá khác nhau, trong điều kiện cụ thể, có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, là nét đặc sắc, sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh; sự sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong hoàn cảnh các phong trào yêu nước cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, với phương pháp tư duy dựa trên hệ tư tưởng phong kiến cũng như hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc và bất lực trong việc nhận thức và giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đặt ra, Hồ Chí Minh đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước với hành trang ban đầu của một thanh niên yêu nước. Tiếp thu các giá trị tư tưởng - văn hoá của dân tộc và nhân loại, trải qua một hành trình lâu dài, gian khổ, khi bắt gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước “... không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁽¹⁾. Trong bản Luận cương bất hủ, V.I.Lênin nhấn mạnh vai trò quan trọng của cách mạng giải phóng dân tộc, song ông vẫn khẳng định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc phụ thuộc vào sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc, hay nói đúng hơn là phụ thuộc vào thắng lợi của giai cấp vô sản trên phạm vi toàn thế giới. V.I.Lênin khẳng định, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng. Với hiểu biết sâu sắc về vấn đề dân tộc, với mẫu cảm chính trị và tư duy độc lập, sáng tạo, Hồ Chí Minh đã tìm thấy mối liên hệ của những khả năng cách mạng của các nước trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với điều kiện dân tộc đặc thù của Việt Nam. Ngay từ giữa những năm hai mươi của thế kỷ 20, khi phong trào công nhân ở trong nước đã trưởng thành, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người rút ra kết luận rằng, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa là một bộ phận cấu thành không thể tách rời

của cách mạng vô sản.

Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3.2.1930) là bước ngoặt trong sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu vừa thành lập, Đảng đã vạch ra một cách đúng đắn những giai đoạn của cách mạng Việt Nam xuất phát từ những điều kiện vật chất, từ những tính chất của những mối quan hệ giai cấp - xã hội và từ sự phát triển của ý thức xã hội của quần chúng.

Hồ Chí Minh đã lưu ý, tuy chủ nghĩa xã hội có mục tiêu, nguyên lý chung, nhưng cần nhận thức rõ tính quy luật chung và đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người viết: “Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau... Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội..., có nước thì phải kinh qua *chế độ dân chủ mới*, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽²⁾. Người căn dặn, phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài. Người nhấn mạnh: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽³⁾.

Ngay trong Luận cương Chính trị năm 1930, Đảng đã lập luận một cách rõ ràng cho mục tiêu cuối cùng mà để đạt được nó, nhất định phải đi qua hai giai đoạn: trước hết, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và sau đó, bỏ qua sự phát triển tư bản chủ nghĩa tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam - một nước thực dân và nửa phong kiến với trình độ phát triển của sức sản xuất vô cùng thấp kém và những mâu thuẫn gay gắt, cần phải xoá bỏ ách thực dân và những quan hệ

phong kiến, lạc hậu, nghĩa là thực hiện những nhiệm vụ chống phong kiến và chống đế quốc để thúc đẩy sự phát triển xã hội, đi tới sự tiến bộ xã hội mới.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành dưới ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp này trở thành một lực lượng tự giác, được vũ trang bằng hệ tư tưởng Mác - Lênin. Một trong những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam là: mặc dù ít ỏi về mặt số lượng nhưng nó đã trở thành lực lượng cách mạng dẫn đầu và là một trong những nhân tố chủ yếu của quá trình cách mạng. Giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp cách mạng và tiến bộ duy nhất đã kiên trì đấu tranh chống lại bọn thực dân, trở thành người đứng đầu trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Người khẳng định: “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam”⁽⁴⁾.

Xuất phát từ những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề liên quan đến phạm trù “bỏ qua” áp dụng vào Việt Nam, có thể phân tích từ giác độ có tính đến nét đặc thù của những điều kiện và yếu tố quy định bước chuyển của đất nước lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Cơ sở cho quan điểm này nằm trong những văn kiện Đảng, những bài phát biểu và những luận điểm của Hồ Chí Minh, bản tổng kết thực tiễn cách mạng phong phú, cũng như ngay trong bản thân sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa với tư cách là kết quả của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam, với những tiền đề khách quan và chủ quan đặc thù của nó. Ách thống trị lâu dài của thực dân Pháp ở Việt Nam đã tạo ra cho nền kinh tế một tính chất nông nghiệp thực dân què quặt và nền công nghiệp không hình thành được. Những xí nghiệp và xưởng thủ công vốn có ở một trình độ rất thấp, thậm chí không thể đảm bảo sản xuất được hàng hoá tiêu dùng. Tổng số tư bản của giới tư sản dân tộc trong công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng... không vượt quá 1%. Mặt khác, ở Việt Nam, nhân tố chủ quan chín muồi đã hình thành một cách thắng lợi, đó là Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân và người đồng minh của nó - tầng lớp nông dân và những lực lượng cách mạng khác.

Một trong những tiền đề quyết định sự chuyển hoá

cuộc cách mạng dân tộc dân chủ thành cách mạng xã hội chủ nghĩa như đã xảy ra ở Việt Nam là dựa vào sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới, rằng chủ nghĩa yêu nước thực sự không thể tách rời chủ nghĩa quốc tế. Hồ Chí Minh đã hiểu rõ mối liên hệ của cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc và cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là mối quan hệ của sự giúp đỡ lẫn nhau. Người viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”⁽⁵⁾. Trong phong trào cộng sản rộng rãi, Người đã đấu tranh cho việc giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phải ủng hộ tích cực phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Người coi sự ủng hộ tinh thần cách mạng thực sự ở chính quốc là tiền đề quan trọng cho thắng lợi của cách mạng ở các nước thuộc địa.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Đảng đã thực hiện được sự thống nhất được các lực lượng tiến bộ và dân chủ trong cả nước, với cơ sở là liên minh công nông. Trong những năm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, chủ nghĩa phát xít và những lực lượng phản động khác (1936 - 1939), và sau đó, với sự thành lập của Việt Nam độc lập đồng minh hội (Việt Minh), Đảng Cộng sản đã huy động được tất cả các lực lượng chống phát xít và đế quốc. Mặt trận Việt Minh bao gồm công nhân, nông dân, trí thức, địa chủ yêu nước và những tầng lớp xã hội khác của xã hội là cơ sở xã hội rộng rãi của nó, đã tiến hành đấu tranh chống lại bọn xâm lược vì nền độc lập dân tộc. Nhờ vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam - đội quân giác ngộ nhất, đội tiên phong của giai cấp công nhân - đã lôi cuốn và chuẩn bị cho quần chúng đi vào đấu tranh cách mạng. Đảng Cộng sản đã kết hợp một cách đúng đắn cuộc đấu tranh vì nền dân chủ với tư cách là một phần cấu thành của toàn bộ cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, chỉ ra khả năng sáng tạo khi áp dụng học thuyết Mác - Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945 đã dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Lần đầu tiên trong lịch sử các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng đã thực hiện quyền lãnh đạo của mình và giành lấy chính quyền vào tay mình. Những thắng lợi tiếp theo ở giai đoạn sau khi Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc cách mạng lớn là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và làm cuộc cách

mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam càng chứng minh cho tính sáng tạo của tư tưởng “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa tiền thắng lên chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày nay, tình hình quốc tế diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. “Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn... Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”⁽⁶⁾. Ở trong nước, sau 35 năm đổi mới: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại”⁽⁷⁾. Tuy nhiên, nước ta cũng đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, “đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁸⁾.

Kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, thực tiễn lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội cùng với quá trình phát triển lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra thực chất “Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển”⁽⁹⁾. Trước hết, đó là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong phát triển kinh tế, một mặt phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu, đặc trưng cho các quan hệ sản xuất khác nhau, phải tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát huy vai trò của nó đối với sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, phải bảo đảm cho kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và “Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”⁽¹⁰⁾. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa còn là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Trong kiến trúc thượng tầng của xã hội, chúng ta tiếp thu những thành tựu về khoa học, về những kinh nghiệm quản lý xã hội hiện đại, về kỹ thuật tổ chức bộ máy nhà nước... nhưng quyết không xác lập sự

thống trị của giai cấp tư sản đối với nhà nước và xã hội, không chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mà thực chất là tạo điều kiện để các thế lực chính trị của giai cấp bóc lột nắm chính quyền. Chúng ta từng bước củng cố, tăng cường nhà nước kiểu mới trong đó quyền lực chính trị thuộc về nhân dân lao động, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tuy nhiên, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta không có nghĩa là phủ định sạch trơn chủ nghĩa tư bản, mà là kế thừa thành tựu nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về phát triển kinh tế thị trường, kinh tế tri thức, về khoa học công nghệ, về tổ chức, quản lý nền sản xuất hiện đại, quản lý xã hội... để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, phát triển đất nước.

Bản chất của con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam là phát triển rút ngắn, cốt lõi là tăng trưởng nhảy vọt lực lượng sản xuất. Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, “...Xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài”⁽¹¹⁾. Do vậy, trong nhận thức và thực tiễn, phải chống chủ quan duy ý chí, đốt cháy giai đoạn, đồng thời chống quan điểm duy vật máy móc, duy vật kinh tế.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn và được lịch sử phát triển của dân tộc ta chứng minh rằng: chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm cho dân tộc ta có nền độc lập thật sự, đất nước ta phát triển ổn định, phồn vinh, nhân dân ta có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc./

(1),(4) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H., T.12, tr.30,407.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H., T.8, tr.293.

(3) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H., T.10, tr.391.

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H., T.1, tr.320.

(6),(7),(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H., T.1, tr.105-106,104,109.

(9),(10),(11) Nguyễn Phú Trọng (2022), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, Nxb CTQGST, H., tr.25,26,36.